

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 213/2018/DS - ST

Ngày: 13-7-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**.

Bà **Dương Hiền Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Triệu Trung H**, sinh năm 1977.

Trụ sở: Số 45 Ô1, khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Hồng Đ**, sinh năm 1970 (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017)

Trú tại: Số 61 Ô2, khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969.

Nguyễn Hữu N, sinh năm 1995.

Cùng trú tại: ấp Long Thạnh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Anh Đ, anh T có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn **Nguyễn Hồng Đ** trình bày:

Ngày 08/8/2016, anh Nguyễn Hữu N có mượn của anh H số tiền 25.000.000 đồng có viết giấy nợ nhưng không ký tên. Đến ngày 02/2/2017, anh N trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả mặc dù anh H nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Do anh N không trả nợ nên anh H có gặp ông Nguyễn Hữu T là cha ruột của anh N để thỏa thuận. Sau đó, anh T có viết giấy trả tiền với nội dung cam kết trả nợ thay cho anh N mỗi tháng 4.000.000 đồng trong thời gian 05 tháng nhưng đến nay anh T vẫn chưa trả được cho anh H khoản tiền nào.

Nay, anh H yêu cầu anh T và anh N cùng có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 đồng và trả phần tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 02/02/2017 đến ngày xét xử, cụ thể mức lãi suất 1,2%/tháng, thời gian tính lãi là 16 tháng, tạm tính số tiền lãi: 20.000.000 đồng x 1,2%/tháng x 16 tháng = 3.840.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

Thông nhất về việc anh N có mượn của anh H số tiền 25.000.000 đồng và đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 20.000.000 đồng.

Do anh H cho người xuống hăm dọa nên anh T có viết giấy trả tiền hứa trả mỗi tháng 4.000.000 đồng, trả trong 05 tháng. Anh T đã trả được cho anh H số tiền 11.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng nhưng khi trả tiền anh T và anh H không làm giấy tờ, biên nhận gì thể hiện việc giao nhận tiền.

Nay, anh T đồng ý trả thay cho anh N số tiền còn nợ lại là 9.000.000 đồng, anh không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.840.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu.

* Bị đơn anh Nguyễn Hữu N mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Anh N có mượn tiền anh H là 25.000.000 đồng, ông T cũng thừa nhận việc mượn tiền của anh N và viết giấy trả tiền thay số tiền nợ còn lại 20.000.000 đồng, tại phiên tòa, ông T vẫn đồng ý trả nợ thay cho anh N. Việc ông T cho rằng đã trả cho anh H thêm 11.000.000 đồng nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh nên việc trả tiền của ông T không có cơ sở. Do đó, anh N, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho anh H nên yêu cầu anh Nguyễn, ông T trả số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

463, 466, 357 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc ông T, anh N trả số tiền 20.000.000đồng. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Hữu N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Triệu Trung H khởi kiện yêu cầu anh N và ông Nguyễn Hữu T phải trả số tiền nợ gốc 20.000.000đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu N có hộ khẩu thường trú tại ấp Long Thạnh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

Đại diện ủy quyền nguyên đơn cho rằng, anh N có mượn anh H số tiền 25.000.000đồng vào ngày 8/8/2016, đến ngày 02/02/2017 anh N trả được 5.000.000đồng, hiện còn nợ 20.000.000đồng. Do anh N không thực hiện trả nợ nên cha anh N là ông Nguyễn Văn T có viết giấy trả tiền. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh H cung cấp biên nhận mượn tiền với nội dung “*Em tên Nguyễn Hữu N, sn 1995 có mượn Triệu Trung H, 1977 25 triệu chẵn: 50 ngày em thanh toán cho A H hết. Nay là mừng 9 tết tới 50 ngày phải thanh toán hết*” không có ký xác nhận của anh N và tờ giấy trả tiền với nội dung “*Tôi Nguyễn Văn T: 1969 Nay tôi hứa trả cho Triệu Trung H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu) trong 5 tháng, bắt đầu từ 01/6/2017 là trả đến 01/7 đưa 4.000.000 đồng.....*” do ông T viết và ký tên xác nhận.

Ông T thừa nhận con ông là anh N có mượn của anh H số tiền 25.000.000đồng, sau đó ông trực tiếp trả được 5.000.000đồng, do anh H gây áp lực, hăm dọa ông trong việc trả tiền nên ông có viết cho anh H giấy trả tiền với nội dung nêu trên và ông đã trả được 03 lần với số tiền 11.000.000đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của ông T và anh N phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Triệu Trung H số tiền vay 20.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở một phần, bởi lẽ anh N là người xác lập giao dịch mượn tiền với anh H vay số tiền 25.000.000đồng là có xảy ra. Anh N đã trả được 5.000.000đồng, hiện còn nợ 20.000.000đồng nên anh N có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền nêu trên là có căn cứ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T cùng với anh N trả số tiền 20.000.000đồng là không có cơ sở, bởi đại diện ủy quyền nguyên đơn cho rằng, anh T là người bảo lãnh nợ cho anh N bằng hình thức viết giấy trả tiền sau khi anh N không thực hiện trả nợ. Anh T cho rằng, do anh H gây áp lực nên anh đồng ý viết giấy trả tiền để trả nợ thay cho con. Đây là sự tự nguyện của ông T, tuy nhiên, anh N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không thể hiện ý kiến của anh N có đồng ý để ông T là người trả bảo lãnh, trả nợ thay hay không và nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh thể hiện ông T là người bảo lãnh nợ nên không có cơ sở buộc ông T cùng trả số nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với ý kiến trình bày ông T cho rằng có trả cho anh H số tiền 11.000.000đồng sau khi viết giấy trả tiền và trả 5.000.000đồng vào ngày 02/02/2017 nhưng ông không có chứng cứ chứng minh, phía đại diện ủy quyền nguyên đơn không thừa nhận, do ông không có nghĩa vụ đối với số nợ nêu trên và ông không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận nên đình chỉ yêu cầu tính lãi của anh H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26; Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Triệu Trung H.

Buộc anh Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ trả cho anh Triệu Trung H số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh N chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Triệu Trung H.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Nguyễn Hữu N phải chịu số tiền 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho anh Triệu Trung H số tiền 522.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 36179 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh N kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình